

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 39A /QĐ-ĐHNCT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

Tên chương trình : Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Mã số : 52850101

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Loại hình đào tạo : Chính quy

LỜI GIỚI THIỆU

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy định mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;

Căn cứ Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực Tài nguyên và môi trường có trình độ đại học trong thời gian trước mắt và lâu dài tại TP. Cần Thơ nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung;

Căn cứ vào số liệu thu thập được từ dữ liệu tuyển sinh trong những năm gần đây của trường Đại học Cần Thơ, nhận thấy rằng số lượng thí sinh dự thi vào các ngành liên quan đến Tài nguyên và môi trường rất đông (trên dưới 2000 thí sinh/ ngành). Trong khi chỉ tiêu của trường Đại học Cần Thơ cho những ngành này chỉ khoảng 100 chỉ tiêu/ ngành. Điều đó chứng tỏ nhu cầu được học tập và đào tạo những ngành này là rất lớn. Nhận thấy được điều đó, Trường Đại học Nam Cần Thơ tiến hành các thủ tục xin mở mã ngành trên để phân nào đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên khu vực TP.

Cần Thơ và ĐBSCL cũng như góp phần đào tạo ra đội ngũ nhân lực phục vụ cho địa phương.

Căn cứ vào khả năng và điều kiện của Trường Đại học Nam Cần Thơ về giảng viên, trang thiết bị và vật chất phục vụ đào tạo;

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản có liên quan, đồng thời có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường có đào tạo ngành Tài nguyên và môi trường lâu đời ở Việt Nam như: Đại học Cần Thơ, Đại học Nông Lâm Tp. HCM, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, đặc biệt là sự đóng góp ý kiến quý báu của các cán bộ, giảng viên khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên của trường Đại học Cần Thơ để hoàn thiện xây dựng chương trình này.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư về Quản lý tài nguyên và môi trường có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn về quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và khả năng kiểm soát chất lượng môi trường trên các lĩnh vực tự nhiên, sản xuất và đời sống.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

Trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học quản lý tài nguyên môi trường và các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập Quốc tế.

- **Kỹ năng:** Sinh viên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường có các kỹ năng sau:

- Kỹ năng chuyên môn: như nhận biết, giải quyết vấn đề, phân tích tình huống, tổng hợp,...
- Kỹ năng cá nhân: như trình bày, tư duy, sáng tạo, làm việc theo nhóm hoặc độc lập, có khả năng thích ứng và nghiên cứu khoa học,...
- Kỹ năng quản lý: biết tổ chức, quản lý, giao tiếp, đàm phán và có khả năng lãnh đạo,...

- **Thái độ:** Có phẩm chất chính trị và lối sống lành mạnh, trung thực trong khoa học, trách nhiệm trong công việc, đoàn kết, hợp tác trong cuộc sống.

- Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Kỹ sư ngành “Quản lý Tài nguyên và Môi trường” có khả năng công tác tại các viện, các cơ quan quản lý kinh tế và khoa học cấp Trung ương đến các cơ quan quản lý chuyên ngành về tài nguyên: Sở tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thành và Phòng tài nguyên - môi trường các cấp trong cả nước.

- **Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:** sinh viên có thể học thêm một bằng đại học khác cùng nhóm ngành hoặc học tiếp bậc Thạc sĩ hay Tiến sĩ ở các Trường đại học trong và ngoài nước theo qui chế của Bộ Giáo Dục & Đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 132 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	40
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
- Kiến thức cơ sở ngành	26
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	46
- Thực tập giáo trình	5
- Thực tập tốt nghiệp	5
- Khoá luận tốt nghiệp	10
Tổng	132

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh khối A, A1, B

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm:

Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	40
7.1.1	Lý luận chính trị	10
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
7.1.2	Khoa học xã hội và nhân văn	4
4	Pháp luật đại cương	2
5	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
7.1.3	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ
6	Tiếng Anh căn bản 1	3
	Tiếng Anh căn bản 2	3
	Tiếng Anh căn bản 3	3
7.1.4	Toán – Tin học – khoa học tự nhiên	17
7	Toán cao cấp	3
8	Tin học căn bản	3
9	Xác suất thống kê	3
10	Hoá học đại cương	3
11	Sinh học đại cương	3
12	Logic học đại cương	2
7.1.5	Giáo dục thể chất	3
13	Giáo dục thể chất 1	1
14	Giáo dục thể chất 2	1
15	Giáo dục thể chất 3	1
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8
16	Đường lối quân sự Đảng	3
	Công tác quốc phòng – an ninh	2
	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	26
17	Khí tượng thủy văn	3
18	Cơ sở khoa học môi trường	3
19	Tài nguyên thiên nhiên và môi trường	2
20	Trắc địa và bản đồ	3
21	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	2
22	TT. Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	1
23	Truyền thông tài nguyên và môi trường	2
24	Thủy lực cơ sở	2
25	Quản lý tài nguyên đất đai	2
26	Quản lý tài nguyên rừng	2
27	TT. quản lý tài nguyên rừng	1
28	Tiếng Anh chuyên ngành	3
7.2.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	46
29	Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	2
30	Pháp luật cơ bản về tài nguyên và môi trường	3

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ
31	Quan trắc và phân tích môi trường	2
32	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường	2
33	Tài nguyên vùng ven biển, biển và hải đảo	2
34	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	2
35	Khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển	2
36	Quản lý tài nguyên và môi trường	3
37	Quy hoạch môi trường	2
38	Đánh giá tác động môi trường	2
39	Chất lượng nước	2
40	Kỹ thuật xử lý nước thải	3
41	TT. kỹ thuật xử lý nước thải	1
42	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	<i>Tự chọn</i>	<i>16/35</i>
43	Dân số - sức khỏe - môi trường*	2
44	Sinh vật chỉ thị môi trường*	2
45	Bảo tồn và đa dạng sinh học*	2
46	Cấp và thoát nước*	2
47	Công nghệ môi trường*	2
48	Thanh tra bảo vệ môi trường*	2
49	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu*	2
50	Quản lý môi trường đô thị và KCN*	2
51	Tính toán và dự báo nhu cầu nước dùng*	2
52	Quản lý Đất ngập nước*	2
53	Quản lý dự án đầu tư*	2
54	Đánh giá chất lượng đất, nước và không khí*	2
55	Năng lượng tái tạo*	3
56	Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng*	2
57	Mô hình hóa môi trường*	2
58	Kiểm toán tài nguyên và môi trường*	2
59	Quản lý tổng hợp lưu vực sông*	2
7.2.3	<i>Thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận</i>	<i>20</i>
60	Thực tập giáo trình	5
61	Thực tập tốt nghiệp	5
62	Khoá luận tốt nghiệp	10

Ghi chú: (*): môn tự chọn

8. Kế hoạch giảng dạy

Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ, thời gian tối thiểu của một học kỳ là 15 tuần

Năm thứ nhất

Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Những NL cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	23	5	2
2	Tiếng Anh căn bản 1	3	27	30	3
3	Hoá học đại cương	3	27	30	3
4	Toán cao cấp	3	32	10	3
5	Pháp luật đại cương	2	25	3	2
6	Tin học căn bản	3	28	45	2
7	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	8			
8	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	1	5	25	
	Tổng	16	162	123	15

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Những NL cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	32	10	3
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	27	30	3
3	Logic học đại cương	2	22	6	2
4	Sinh học đại cương	3	27	30	3
5	Xác suất thống kê	3	30	12	3
6	Cơ sở khoa học môi trường	3	30	12	3
7	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	1	5	25	
	Tổng	17	168	100	17

Năm thứ hai**Học kỳ 1**

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	38	5	2
2	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	13	30	2
3	Khí tượng thủy văn	3	28	30	2
4	Trắc địa và bản đồ	3	28	30	2
5	Thủy lực cơ sở	2	20	8	2
6	Tài nguyên thiên nhiên và môi trường	2	22	6	2
7	Anh văn căn bản 3	3	27	30	3
8	Giáo dục thể chất 3	1	5	25	
	Tổng	18	176	139	15

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	3	2
2	Quản lý tài nguyên đất đai	2	30		
3	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	23	5	2
4	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	3	30	30	
5	Chất lượng nước	2	23	5	2
6	Tài nguyên vùng ven biển, biển và hải đảo	2	23	5	2
7	Pháp luật cơ bản về tài nguyên và môi trường	3	35	8	2
Chọn 1 trong 4 môn sau					
8	Dân số - sức khỏe - môi trường*	2	25	10	
9	Bảo tồn đa dạng sinh học*	2	25	5	
10	Sinh vật chỉ thị môi trường*	2	25	5	
11	Cấp và thoát nước*	2	25	10	
	Tổng	18	214	66	10

Năm thứ ba**Học kỳ 1**

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Quản lý tài nguyên rừng	2	25	10	
2	TT. Quản lý tài nguyên rừng	1		30	
3	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	35	10	
4	TT. Kỹ thuật xử lý nước thải	1		30	
5	Phương pháp nghiên cứu môi trường	2	25	10	
Chọn 3 trong 6 môn sau					
6	Công nghệ môi trường*	2	15	30	
7	Thanh tra bảo vệ môi trường*	2	20	10	
8	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu*	2	15	30	
9	Quản lý môi trường đô thị và KCN*	2	30		
10	Mô hình hoá môi trường*	2	20	20	
11	Cấp và thoát nước*	2	25	10	
	Tổng	15	135	160	

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Khai thác sử dụng bền vững tài nguyên biển	2	24	4	2
2	Tiếng Anh chuyên ngành	3	28	15	2
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	3	27	30	3
4	Quan trắc và phân tích môi trường	2	20	8	2
5	Quy hoạch môi trường	2	19	9	2
Chọn 2 trong 4 môn sau					
6	Quản lý đất ngập nước*	2	25	10	
7	Quản lý dự án đầu tư*	2	25	10	
8	Đánh giá chất lượng đất, nước và không khí*	2	25	10	
9	Tính toán và dự báo nhu cầu nước dùng*	2	20	8	2
	Tổng	16	168	86	11

Năm thứ tư**Học kỳ 1**

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường	2	14	30	1
2	Truyền thông tài nguyên và môi trường	2	17	11	2
3	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	2	20	8	2
4	Đánh giá tác động môi trường	2	18	10	2
5	Thực tập giáo trình	5		150	
Chọn 2 trong 4 môn sau					
6	Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng*	2	15	30	
7	Kiểm toán tài nguyên và môi trường*	2	25	10	
8	Quản lý tổng hợp lưu vực sông*	2	23	5	2
9	Năng lượng tái tạo*	3	30	30	
	Tổng	17	109	249	7

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Số TC	Số tiết theo TC		
			LT	TH/ TL	KT
1	Thực tập tốt nghiệp	5		150	
2	Khoá luận tốt nghiệp	10		150	
	Tổng	15		300	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Dự kiến kế hoạch đào tạo
- Chương trình được xây dựng để đào tạo theo học chế tín chỉ. Các giảng viên sẽ được nhận đề cương môn học trước để chuẩn bài giảng. Phòng Đào tạo sẽ lập kế hoạch từng học kỳ để thực hiện.
- Mỗi năm chia thành 2 học kỳ, mỗi học kỳ có từ 15-17 tuần dành cho học tập và 3 tuần thi.
- Cuối khoá sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp